

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS - ST

Ngày: 25-9-2023

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Thanh Bình;

Bà Trương Bạch Thủy Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc: “kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đ.T.K.T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5, tỉnh BD;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H.X.H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ A, tỉnh BD là người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022, có mặt.

- Bị đơn: Ông Đ.X.Th, sinh năm 1968; bà Ng.T.H, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Tổ 15, tỉnh BD, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đ.X.H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5, tỉnh BD, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

2. Ông Đ.V.Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp 3, tỉnh BD, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Đ.V: Ông Đ.T.D, sinh năm 1997; là con và trú cùng địa chỉ, theo Giấy ủy quyền ngày 09/6/2023, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Bà Đ.T.S, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp 3, tỉnh BD, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

4. Bà Đ.T.H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số A, tỉnh BD, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

5. Ông Đ.H.Th, sinh năm 1996, vắng mặt;

6. Ông Đ.H.M.Y, sinh năm 2008, vắng mặt;

7. Ông Đ.N.C, sinh năm 1999, vắng mặt;

8. Ông Đ.N.B, sinh năm 2003, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, tỉnh BD.

NHẬN THẤY

Đơn khởi kiện ngày 16/5/2022, Đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đ.T.K.T và người đại diện là ông H.X.H thống nhất trình bày: Ngày 22/5/2008, bà Đ.T.K.T được thừa kế nhà, đất từ cha, mẹ đối với quyền sử dụng đất diện tích 226m² thuộc thửa đất số 708, tờ bản đồ số 30 tại xã LA, tỉnh BD. Bà Đ.T.K.T đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H00588 ngày 17/9/2008. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04 diện tích 71,2m². Từ tháng 06/2016, bà Đ.T.K.T cho anh ruột, chị dâu là ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H mượn ở với thời hạn là 3 năm nhưng đến nay vẫn không chịu trả. Do đó, bà Đ.T.K.T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ.X.Th, bà N.T.H trả cho bà Đ.T.K.T 226m² đất và căn nhà cấp bốn gắn liền với đất diện tích 71,2m² thuộc thửa số 708.

Bị đơn ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H trình bày tại buổi lấy lời khai ngày 12/6/2023, Bản tự khai ngày 21/6/2023 như sau: Bà N.T.H và ông Đ.X.Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án ngày 22/9/2022 nhưng thấy bà Đ.T.K.T kiện không đúng nên vợ chồng bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Toàn bộ đất và tài sản trên đất có nguồn gốc của ba mẹ chồng bà N.T.H là ông Đ.V.B và bà N.T.T để lại và đã cho ông Đ.X.Th. Ông Đ.V.B và bà N.T.T có 5 người con gồm: Đ.T.H, sinh năm 1960, Đ.V.Đ, sinh năm 1965, Đ.X.Th, sinh năm 1968, bà Đ.T.S, sinh năm 1971, Đ.T.K.T, sinh năm 1975.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ thể hiện thửa đất số 708 đã được tặng cho bà Đ.T.K.T và thửa đất số 242 đã được tặng cho ông Đ.X.Th là không đúng vì Hồ sơ phân chia di sản thừa kế 2 thửa đất này không có chữ ký của bà N.T.H và bà Đ.T.H. Ngoài ra, vào một buổi tối năm 2008, tại nhà cán bộ tư pháp xã Lạc An có 5 người: Ông Đ.V.Đ, ông Đ.X.Th, bà Đ.T.S, bà Đ.T.K.T và bà N.T.H cùng ký vào tờ giấy trắng đặt sẵn trên bàn do bà Đ.T.K.T hướng dẫn, không có người đại diện pháp luật ở đó nhưng ông Đ.X.Th và bà N.T.H không biết ký để làm gì. Từ năm 2008 đến nay, ông Đ.X.Th chưa tặng cho đất nhưng cấp GCNQSDĐ cho bà Đ.T.K.T là không đúng. Đất và nhà là của ông Đ.VB, bà N.T.T ở từ năm 1954 đến nay chưa cho ai. Ông Đ.X.Th được ba mẹ cho ở từ năm 1968, năm 1995 ông lập gia đình ở cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ.T.H trình bày tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 như sau: Thống nhất với lời trình bày của ông Đ.X.Th về việc thửa đất 708 và căn nhà trên đất có nguồn gốc của cha là Đ.V.B (mất năm 2007) và mẹ là bà N.T.T (mất năm 2016) để lại. Ông Đ.V.B và bà N.T.T có 5 người con. Ngày 22/5/2008, bà N.T.T và các con gồm ông Đ.V.Đ, ông Đ.X.T, bà Đ.T.S và bà Đ.T.T đến UBND xã Lạc An, lập Văn bản phân chia thửa đất 708 cho bà Đ.T.K.T; chia thửa đất 242 cho bà N.T.T. Bà Đ.T.K.T đã được cấp GCNQSDĐ. Phần đất chia cho bà N.T.T được bà tặng cho ông Đ.X.Th và bà N.T.H. Bà Đ.T.H được bà N.T.T và các em thông báo về việc phân chia tài sản cho vợ chồng ông Đ.X.Th và bà Đ.T.K.T thì bà đồng ý nhưng vì ở xa, lúc đó bà bị bệnh và gia đình khó khăn nên không thể đi được. Tháng 6/2016, ông Đ.X.Th và bà N.T.H mượn nhà và đất để ở đến nay không trả.

Phần đất chia cho bà Đ.T.K.T thực chất là bà Đ.T.K.T hoán đổi với phần đất cho ông Đ.V.Đ. Nguyên nhân vì ông Đ.V.B và bà N.T.T muốn cho 2 người con trai là ông Đ.V.Đ và ông Đ.X.Th phân nhà đất của ông, bà để lại. Do ông Đ.V.Đ và ông Đ.X.Th hay xảy ra mâu thuẫn, không sống gần nhau được nên bà N.T.T đề nghị bà Đ.T.K.T đổi phần đất bà Đ.T.K.T đã mua ở vị trí khác cho ông Đ.V.Đ, lấy phần đất chia cho ông Đ.V.Đ, cho bà Đ.T.K.T. Do ông Đ.V.B đã mất nên bà N.T.T và các anh chị em cùng lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như trên. Phần đất bà Đ.T.K.T mua dùng để hoán đổi đất của ba mẹ cho ông Đ.V.Đ có diện tích 413,2m² thuộc thửa đất số 811, tờ bản đồ số 30 tại ấp 3, xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên. Bà N.T.T nhận đất này đưa cho ông Đ.V.Đ và ông Đ.V.Đ đã được cấp GCNQSDĐ. Nay bà Đ.T.K.T khởi kiện đòi tài sản thì bà đồng ý. Bà Đ.T.H không yêu cầu chia đất và tài sản trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.V.Đ thông qua người đại diện là ông Đ.T.D trình bày tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của bà Đ.T.H. Ông Đ.V.Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.K.T. Ông không yêu cầu chia đất và tài sản trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ.T.S trình bày tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/8/2023 như sau: Bà Đ.T.S không liên quan đến tài sản tranh chấp; bà Đ.T.S không có ý kiến và không có yêu cầu về việc giải quyết vụ án; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của ông Đ.X.Th và bà N.T.H gồm: Đ.H.Th, Đ.N.C, Đ.N.B, Đ.H.M.Y dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2022 và đo đạc thực tế thể hiện tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 288-2022 ngày 27/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên thể hiện: Thửa đất số 708 và căn nhà gắn liền đất ông Đ.X.Th, bà N.T.H và các con đang quản lý, sử dụng.

Công văn số 188/UBND-ĐC ngày 23/5/2023 của UBND xã Lạc An về việc cung cấp chứng cứ như sau: Căn nhà trên thửa đất 708 và 242 do ông Đ.V.B xây dựng và sử dụng. Hai thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Đ.V.B. Đồng thừa kế của ông Đ.V.B và bà N.T.T gồm: Đ.T.H, Đ.V.Đ, Đ.X.Th, Đ.T.S và Đ.T.K.T. Đất tranh chấp diện tích 176,9m² thuộc thửa 708 cấp cho bà Đ.T.K.T nên đề nghị Tòa án căn cứ vào GCNQSDĐ được cấp để giải quyết.

Công văn số 916/UBND-NC ngày 29/3/2023 của UBND huyện Bắc Tân Uyên cung cấp thông tin như sau: Thửa đất số 708 được cấp GCNQSDĐ cho bà Đ.T.K.T và thửa đất số 242 được cấp GCNQSDĐ cho bà N.T.T năm 2008 có đo đạc thực tế và được tách ra từ thửa đất 242 theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 22/7/2008. Thửa đất 242 cấp GCNQSDĐ cho ông Đ.X.Th và bà N.T.H năm 2010 theo Trích lục bản đồ do Văn phòng đăng ký QSDĐ xác lập ngày 10/3/2010, không có đo đạc thực tế.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ thửa đất 708 và 242 thể hiện có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất 242 diện tích 465m² cấp cho hộ ông Đ.V.B ngày 22/11/2000. Ngày 22/7/2008, bà N.T.T, ông Đ.V.Đ, bà Đ.T.S, ông Đ.X.Th, ông Đ.V.Đ và bà Đ.T.K.T lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế cho bà Đ.T.K.T được nhận 226m² thuộc thửa 708m; chia cho bà N.T.T phần đất còn lại diện tích 239m² thuộc thửa 242. Bà Đ.T.K.T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 708; bà N.T.T được cấp GCNQSDĐ thửa 242 cùng ngày 17/9/2008. Ngày 08/3/2010, bà N.T.T ký hợp đồng tặng cho QSDĐ cho ông Đ.X.Th và bà N.T.H thửa 242. Ngày 14/4/2010, ông Đ.X.Th và bà N.T.H được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 242.

Công văn số 08/CAX ngày 01/6/2023 của Công an xã Lạc An cung cấp thông tin ông Đ.X.Th gồm ông Đ.X.Th, vợ là bà N.T.H và các con gồm: Đ.H.Th, Đ.N.C, Đ.N.B, Đ.H.M.Y.

Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, bị đơn bà N.T.H và ông Đ.X.Th không có yêu cầu phản tố mặc dù đã được giải thích quyền và nghĩa vụ theo Biên bản lập ngày 12/6/2023; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H.X.H trình bày, toàn bộ đất và căn nhà gắn liền thửa đất 708 hiện ông Đ.X.Th, bà N.T.H và các con đang ở. Do đó, đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện là buộc ông Đ.X.Th và bà N.T.H cùng các con trả toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất 708 cho bà Đ.T.K.T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu quan điểm khẳng định Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 708 có nguồn gốc được tách từ thửa 242 do ông Đ.V.B và bà N.T.T để lại. Sau khi ông Đ.V.B chết, tài sản này đã được bà N.T.T và các con lập văn bản thỏa thuận chia cho bà N.T.T thửa 242 và bà Đ.T.K.T thửa 708. Sau đó, bà N.T.T tặng cho thửa 242 cho ông Đ.X.Th và bà N.T.H. Bà Đ.T.H là đồng thừa kế của ông Đ.V.B không có mặt để ký vào văn bản thỏa thuận phân chia nhưng bà Đ.T.H khai nhận bà đã được bà N.T.T và các em thông báo về việc phân chia thì bà đồng ý. Nay bà cũng không yêu cầu phân chia đất và tài sản trên đất do ông Đ.V.B và bà N.T.T để lại. Như vậy, thửa

đất 708 đã cấp GCNQSDĐ cho bà Đ.T.K.T, ông Đ.X.Th và bà N.T.H được cho mượn để sử dụng. Nay bà Đ.T.K.T đòi thì ông Đ.X.Th và bà N.T.H có nghĩa vụ trả cho bà Đ.T.K.T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.K.T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.K.T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đ.T.K.T khởi kiện ông Đ.X.Th và bà N.T.H về việc kiện đòi tài sản. Tài sản tranh chấp là QSDĐ tại xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn ông Đ.X.Th, bà N.T.H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ.H.Th, Đ.N.C, Đ.N.B, Đ.H.M.Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đáp, bà Đ.T.S, bà Đ.T.H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Đ.X.Th, bà N.T.H và các con trả đất và tài sản gắn liền đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 211,5m² thuộc thửa 708 hiện ông Đ.X.Th, bà N.T.H và các con đang ở. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này.

[4] Bà Đ.T.K.T khởi kiện ông Đ.X.Th và bà N.T.H kiện đòi 226m² (đo thực tế diện tích 211,5m²) thuộc thửa 708 theo GCNQSDĐ cấp cho bà Đ.T.K.T năm 2008. Ông Đ.X.Th và bà N.T.H cho rằng ông bà không ký tên vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng không có đơn phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ. Các đồng thừa kế của ông Đ.V.B và bà N.T.T không yêu cầu xác định QSDĐ và tài sản trên đất là di sản của ông Đ.V.B và bà N.T.T, không yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Nhận thấy, thửa đất số 708 và căn nhà gắn liền đất được tách ra từ thửa đất 242 cấp cho hộ ông Đ.V.B năm 2000 có nguồn gốc của ông Đ.V.B và bà N.T.T. Năm 2008, bà N.T.T và các con gồm ông Đ.X.Th, ông Đ.V.Đ, bà Đ.T.K.T và bà Đ.T.S cùng lập Văn bản thỏa thuận phân chia cho bà Đ.T.K.T 226m² đất (nay là thửa 708). Việc phân chia tài sản không có mặt của bà Đ.T.H nhưng bà Đ.T.H xác nhận đồng ý và không có ý kiến khác. Ông Đ.X.Th và bà N.T.H thừa nhận đất của ông Đ.V.B và bà N.T.T để lại chưa được gia đình chia cho ai nhưng không lý giải được tại sao có chữ ký của ông Đ.X.Th trong văn bản thỏa thuận phân chia năm 2008; sau đó lại trình bày đất này đã được ông Đ.V.B và bà N.T.T

cho mà không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ông Đ.X.Th và bà N.T.H cũng không đề nghị Tòa án xem xét lại việc cấp GCNQSDĐ cho bà Đ.T.K.T. Hơn nữa, ông Đ.X.Th và bà N.T.H cũng được tặng cho 239m² đất thuộc thửa 242. Do đó, việc cấp GCNQSDĐ bà Đ.T.K.T là hợp pháp.

[6] Ông Đ.X.Th và bà N.T.H ở trên phần đất diện tích 176,9m² có căn nhà gắn liền đất diện tích 65m², phần đất còn lại sử dụng làm sân phơi, lối ra vào có tổng diện tích 211,5m² thuộc thửa đất 708 cấp cho bà Đ.T.K.T nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh được bà Đ.T.K.T đồng ý. Bà Đ.T.K.T xác định trước đây cho ông Đ.X.Th và bà N.T.H mượn ở, nay có nhu cầu sử dụng nên đòi lại nhưng ông Đ.X.Th và bà N.T.H không trả là hành vi cản trở đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất bị cấm được quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai quy định về quyền của người sử dụng đất như sau. “... khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai”. Do đó, bà Đ.T.K.T khởi kiện yêu cầu ông Đ.X.Th, bà N.T.H trả nhà và đất là có căn cứ.

[7] Hiện phần đất diện tích 211,5m² do ông Đ.X.Th, bà N.T.H và các con là ông Thiện, ông Minh Yên, ông Chí, ông Bình ở nên cần buộc tất cả những người này trả đất và tài sản trên đất cho bà Đ.T.K.T.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, chi phí đo đạc, thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 10 Điều 12, khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ.T.K.T với bị đơn ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H về việc kiện đòi tài sản.

Buộc bị đơn ông Đ.X.Th, bà Ng.T.H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ.H.Th, Đ.N.C, Đ.N.B, Đ.H.M.Y trả lại quyền sử dụng đất diện tích 211,5m² và căn nhà cấp bốn gắn liền với đất diện tích 65m² thuộc thửa đất số 708, tờ bản đồ số 30 tại xã LA, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 891618 số vào sổ H 00588 ngày 17/9/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp cho bà Đ.T.K.T.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 7.589.624 đồng, bị đơn ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H phải chịu. Bà Đ.T.K.T đã tạm ứng nên ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H có nghĩa vụ nộp để trả cho bà Đ.T.K.T 7.589.624 (Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đ.T.K.T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H chậm trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ.X.Th và bà Ng.T.H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Đ.T.K.T 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010023 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế